|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ NAM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XH** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SLĐTBXH | *Hà Nam, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma tuý và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Để có cơ sở và căn cứ xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma tuý và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất phương án ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND như sau:

**I.** **Kết quả thực hiện**

**1. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chính sách**

Thực hiện Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đồng thời để kịp thời thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam; Quyết định số 37/2021/ QĐ-UBND ngày 05/11/2021 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Để triển khai thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh, hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác trợ giúp xã hội, trong đó tập trung vào việc rà soát, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ, chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội qua đó tại điều kiện thuận lợi cho các cơ sở trợ giúp xã hội và các địa phương thực hiện tốt hoạt động quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội.

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức và lồng ghép các chương trình tập huấn, nâng cao năng lực cho khoảng 150 lượt người là cán bộ, công chức, nhân viên tại các cơ sở trợ giúp xã hội; thực hiện in, cấp phát miễn phí 2.000 giấy chứng nhận khuyết tật, 12.000 tờ rời tuyên truyền về chính sách hỗ trợ người khuyết tật, nghề công tác xã hội…, treo hơn 100 băng rôn tuyên truyền nhân Tháng hành động vì người cao tuổi…, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội. Nhờ nâng cao tuyên truyền phổ biến chính sách, tập huấn cán bộ mà nhận thức của cán bộ, của một bộ phận người dân được nâng lên, góp phần vào triển khai thực hiện tốt các chế độ chính sách.

**2. Kết quả thực hiện chế độ, chính sách**

a) Trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về các lĩnh vực trong đó có công tác bảo trợ xã hội. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở đã tham mưu và triển khai đầy đủ các chế độ chính sách tới UBND cấp huyện nhằm giải quyết các chế độ trợ cấp được đảm bảo đúng, đủ, kịp thời cho đối tượng.

Hiện nay, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý và chi trả trợ cấp thường xuyên cho 41.391 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, chiếm tỷ lệ 4,46 % dân số của tỉnh, bao gồm:

Trẻ mồ côi không nguồn nuôi dưỡng: 248 trẻ; Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học: 55 người; Người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo: 60 người; Người đơn thân đang nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo: 1.133 người; Người cao tuổi: 19.769 người (trong đó có: 1.671 người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo không có người phụng dưỡng; 18.092 người từ 80 tuổi trở lên không lương hưu, trợ cấp BHXH; 6 NCT có người nhận chăm sóc tại cộng đồng); Người khuyết tật: 20.126 người (trong đó có: 4.171 người khuyết tật đặc biệt nặng; 15.955 người khuyết tật nặng). Ngoài ra còn chi trả cho 4.671 đối tượng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng BTXH. Hằng năm, đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội tăng khoảng 3.500 - 4.000 người.

Thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai tổ chức thực hiện công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn, đảm bảo tất cả các đối tượng đủ điều kiện đều được hưởng trợ cấp xã hội theo đúng quy định. Kết quả chi trả thường xuyên tại cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ kinh phí chăm sóc, cụ thể như sau:

- Năm 2021, chi trả cho 45.091 người, với số tiền: 230.810 triệu đồng;

- Năm 2022, chi trả cho 46.300 người, với số tiền: 274.436 triệu đồng;

- Năm 2023, chi trả cho 46.624 người, với số tiền: 285.387 triệu đồng;

- 6 tháng đầu năm 2024, chi trả cho 46.062 người, với số tiền: 139.218 triệu đồng.

b) Việc thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

Trên địa bàn tỉnh có 02 cơ sở trợ giúp xã hội *(công lập: 02 cơ sở, ngoài công lập: 0 cơ sở)* thực hiện chức năng quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Hiện tại, 2 trung tâm đang nuôi dưỡng, chăm sóc 310 đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó:

- Trung tâm Công tác xã hội đang quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng 167 đối tượng *(gồm: 17 người cao tuổi, 17 người khuyết tật, 15 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, 111 người rối nhiễu tâm trí, 05 người là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, 02 đối tượng bảo vệ khẩn cấp).*

- Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh đang quản lý và nuôi dưỡng 143 đối tượng bảo trợ là người khuyết tật tâm thần nặng *(107 đối tượng tâm thần nam và 36 đối tượng tâm thần nữ).* Ngoài ra, Trung tâm đang quản lý, điều trị nghiện ma tuý cho 189 đối tượng *(182 đối tượng cai nghiện bắt buộc, 07 đối tượng cai nghiện tự nguyện).*

Thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần, Trung tâm Công tác xã hội tiếp nhận và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng đối tượng, việc thực hiện các nội dung về mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp theo đúng quy định tại Nghị quyết. Kết quả hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội, cụ thể như sau:

- Năm 2021, hỗ trợ cho 282 đối tượng, với số tiền: 6.938 triệu đồng;

- Năm 2022, hỗ trợ cho 296 đối tượng, với số tiền: 10.084 triệu đồng;

- Năm 2023, hỗ trợ cho 321 đối tượng, với số tiền: 9.355 triệu đồng;

- 6 tháng đầu năm 2024, hỗ trợ cho 310 đối tượng, với số tiền: 4.002 triệu đồng.

**3. Đánh giá chung**

a) Ưu điểm

Công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

UBND các huyện, thị xã, thành phố luôn ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là việc thực hiện chính sách về trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn và coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (trong đó đã nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên mức 500.000 đồng) dần đáp ứng các nhu cầu cơ bản của đối tượng bảo trợ xã hội về thu nhập, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, phục hồi chức năng, hướng nghiệp, dạy nghề, đảm bảo tốt hơn các quyền của đối tượng thụ hưởng.

Cơ sở vật chất, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thường xuyên được đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc đối tượng.

b) Tồn tại, hạn chế

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết quy định mức đóng góp tiền ăn hàng tháng đối với đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị tàn tật năng không thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; một số mức trợ cấp không phù hợp với Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 76/2021/TT-BTC). Ngày 01 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP đã nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên mức 500.000 đồng/tháng. Do đó Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND không còn phù hợp, cần được thay thế.

Ngoài mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, các nội dung và mức chi theo Thông tư số 76/2021/TT-BTC, các cơ sở trợ giúp xã hội trong quá trình quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội gặp phải một số khó khăn gây phát sinh chi phí, cần tiếp tục được hỗ trợ như đã quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, gồm:

- Hỗ trợ thêm cho các đối tượng ăn ngày lễ, ngày tết dương lịch, các ngày tết Nguyên đán và đối tượng bị ốm nằm viện: do đối tượng bảo trợ xã hội cùng được nuôi dưỡng với đối tượng cai nghiện tại Trung tâm Điều trị nghiện ma tuý và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh, cùng một bếp ăn mà đối tượng cai nghiện đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ, chế độ miễn giảm đối với người cai nghiện ma tuý; mức hỗ trợ người làm công tác cai nghiện trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Hỗ trợ thêm cho người nhiễm HIV, hỗ trợ cho các cháu đang đi học cao đẳng, đại học tỉnh ngoài, hỗ trợ cho đối tượng bảo vệ khẩn cấp sau khi phân loại về nơi cư trú, hỗ trợ mua sắm công cụ, dụng cụ, vật lý trị liệu, lao động phục hồi, thể dục thể thao, hỗ trợ kinh phí thông tin, quảng cáo tìm gia đình người thân của đối tượng bảo vệ khẩn cấp;

Một số đối tượng khó khăn chưa tiếp cận được các chính sách hỗ trợ của nhà nước, nhất là về trợ cấp hàng tháng do chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, dẫn đến cuộc sống của họ gặp rất nhiều khó khăn, kéo theo ốm đau, bệnh tật, không được quan tâm đến học hành, dẫn đến tình trạng “nghèo bền vững” như:

- Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng là anh/chị/em ruột hoặc cháu ruột nhưng trên thực tế những người này không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc không có điều kiện phụng dưỡng;

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo, mồ côi bố hoặc mẹ, bố hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật, bố hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng không có khả năng nuôi dưỡng trẻ; trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo, có cả bố và mẹ là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng trẻ nên cuộc sống của trẻ khó khăn như những trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng.

- Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo cần nhận được sự trợ giúp

Một số đối tượng ở ngoài cộng đồng là người cao tuổi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không tự chăm sóc được bản thân, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng đang hưởng trợ cấp thanh niên xung phong hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội nên không có cơ sở pháp lý để tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội; một số đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, gia đình không có khả năng chăm sóc, có nguyện vọng được vào cơ sở trợ giúp xã hội.

**II. Kiến nghị**

Trên cơ sở thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP: “2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng” và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP: “3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: ...b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”, nhằm đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và hỗ trợ một số chi phí phát sinh thực tế trong quá trình thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - UBND tỉnh; (để b/c)  - Giám đốc, các PGĐ sở;  - Lưu: VT, BT&PCTNXH. | **KT.GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Thị Thu Hằng** |